

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 231/2025/DS-ST

Ngày: 26-12-2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-VĨNH LONG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tor

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Tài
- Bà Phan Thị Cẩm Hồng

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2025/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2025/QĐXXST-DS ngày 10/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 195a/2025/QĐ-HPT ngày 18/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Cao Văn N, sinh năm 1979, địa chỉ: 204/5 ấp TB, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long.

- Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Cao Văn P, sinh năm 1961; địa chỉ: ấp XTI, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Kim T, sinh năm 1980 và chị Huỳnh Thị M, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: 20/7 ấp TM, xã P, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Cao Văn N-ông Cao Văn P trình bày:

Vào ngày 15/01/2025, anh N có xác lập 02 hợp đồng vay tài sản với vợ chồng anh Lê Kim T và chị Huỳnh Thị M với số tiền 326.000.000 đồng (ba trăm hai mươi sáu triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 03%/tháng, mục đích vay để kinh doanh, thời hạn vay 30 ngày, kể từ ngày ký kết hợp đồng, sau 30 ngày anh T và chị M phải thanh toán tiền gốc và tiền lãi suất một lần nhưng trong hợp đồng vay không thể hiện thời hạn

vay và lãi suất. Sau khi anh T và chị M nhận tiền cho đến nay, anh – chị không trả tiền gốc và tiền lãi cho anh N.

Nhận thấy, anh Lê Kim T và chị Huỳnh Thị M không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết của 02 hợp đồng vay tài sản được xác lập ngày 15/01/2025, việc làm nêu trên đã xâm phạm đến quyền và lợi hợp pháp của anh N nên anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Vĩnh Long giải quyết buộc anh Lê Kim T và chị Huỳnh Thị M có nghĩa liên đới trả cho anh N số tiền gốc 326.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 15/01/2025 đến ngày 15/8/2025 (08 tháng), lãi suất 0,83%/tháng ($326.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 08 \text{ tháng} = 21.646.400 \text{ đồng}$).

Tại phiên tòa, anh N thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: yêu cầu anh Lê Kim T và chị Huỳnh Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho anh N số tiền gốc là 326.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi.

Theo nội dung bản tự khai ngày 10/12/2025 và tại phiên tòa bị đơn Lê Kim T và Huỳnh Thị M cùng trình bày: Anh T và chị M thừa nhận vào ngày 15/01/2025 anh T và chị M có ký tên vào hai hợp đồng vay tiền với nội dung anh T và chị M có vay của anh Cao Văn N số tiền 80.000.000 đồng và 246.000.000 đồng như nội dung hai hợp đồng vay tiền mà anh Cao Văn N cung cấp cho Tòa án. Đối với số tiền 80.000.000 đồng là tiền vốn vay anh T và chị M có vay của anh N; đối với số tiền 246.000.000 đồng là tiền nợ lãi anh T và chị M còn nợ lại của anh N. Tuy nhiên khi ký tên vào 02 hợp đồng vay ngày 15/01/2025 anh T và chị M không yêu cầu anh N ghi rõ số tiền 246.000.000 đồng là tiền nợ lãi nên qua yêu cầu khởi kiện của anh N thì anh T và chị M có ý kiến như sau: anh T và chị M thừa nhận hiện nay còn nợ anh N số tiền tổng cộng là 326.000.000 đồng nhưng yêu cầu anh N bớt cho anh T và chị M số tiền 123.000.000 đồng; anh T và chị M đồng ý liên đới trả cho anh N số tiền 203.000.000 đồng; việc anh N không yêu cầu tính lãi thì anh T và chị M đồng ý. Anh T và chị M không yêu cầu thu thập thêm tài liệu, chứng cứ gì khác và cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Lê Kim T, sinh năm 1980 và chị Huỳnh Thị M, sinh năm 1986; cùng đăng ký thường trú tại địa chỉ: 20/7 ấp TM, xã P, tỉnh Vĩnh Long do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[3] Về nội dung vụ án: anh N thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh Lê Kim T và chị Huỳnh Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho anh N số tiền gốc là 326.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi. Anh T và chị M thừa nhận hiện nay còn nợ anh N số tiền tổng cộng là 326.000.000 đồng nhưng yêu cầu anh N bớt cho anh T và chị M số tiền 123.000.000 đồng; anh T và chị M đồng ý liên đới trả cho anh N số tiền 203.000.000 đồng

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy: hợp đồng vay tài sản giữa anh Cao Văn N, anh Lê Kim T, chị Huỳnh Thị M được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc và không vi phạm quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T và chị M thừa nhận có xác lập hợp đồng vay tài sản với anh N thông qua 02 Hợp đồng vay tiền cùng ngày 15/01/2025 với nội dung có nợ của anh N số tiền 326.000.000 đồng như Hợp đồng vay tiền do anh Cao Văn N cung cấp. Do đó tài liệu là Bản chính 02 hợp đồng vay ngày 15/01/2025 do nguyên đơn cung cấp được xác định là chứng cứ để xem xét, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời anh Lê Kim T và chị Huỳnh Thị M thừa nhận hiện nay còn nợ anh N số tiền 326.000.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng anh Lê Kim T và chị Huỳnh Thị M đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó, việc anh Cao Văn N yêu cầu anh Lê Kim T và chị Huỳnh Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Cao Văn N số tiền nợ gốc 326.000.000 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Do anh Cao Văn N không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét yêu cầu của anh T và chị M về việc yêu cầu anh N giảm bớt cho anh T, chị M số tiền 123.000.000 đồng, xét thấy yêu cầu này của anh T và chị M không được anh N đồng ý nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Anh Lê Kim T và chị Huỳnh Thị M có nghĩa vụ liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật được tính như sau: $326.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 16.300.000 \text{ đồng}$.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 217, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn N về việc buộc anh Lê Kim T và chị Huỳnh Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Cao Văn N số tiền nợ lãi là 21.646.400 đồng đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn N: Buộc anh Lê Kim T và chị Huỳnh Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Cao Văn N số tiền nợ gốc 326.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Lê Kim T và chị Huỳnh Thị M có nghĩa vụ liên đới chịu án phí số tiền 16.300.000 đồng.

Anh Cao Văn N được Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.691.000 đồng theo biên lai thu số 0004157 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9-Vĩnh Long).

Đương sự có mặt tại Toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- VKSND Khu Vực 9- Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9- Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
 (Đã ký)

Nguyễn Thị Tơ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Văn Khoa-Huỳnh Ngọc Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Mơ-Nguyễn Văn Chót

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Thị Vân

